

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: 34/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 21/6/2022  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ-TỈNH B**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Huỳnh Tòa**
- Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Viết Xứng**  
**Bà Nguyễn Thị Th Hà**
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Ông Trương Văn Phương** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B tham gia phiên tòa: **Ông Lê Hoàng Anh**-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/01/2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2022, giữa các đương sự:

- \* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1989(có mặt).  
Trú tại: Tổ 32, ấp 8, xã Tân Lập, huyện Đ, tỉnh B.
- \* **Bị đơn:** Bà Vũ Thị Cẩm Th, sinh năm 1993 (có mặt)  
Trú tại: Tổ 32, ấp 8, xã Tân Lập, huyện Đ, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Tại đơn khởi kiện và tại các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên ông Nguyễn Văn M trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Ông M với bà Th tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lập vào năm 2011. Trong thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2019 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Th có mối quan hệ bất chính với người khác, dẫn đến quan điểm sống bất đồng, vợ chồng hay cãi vã nhau, nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn thương yêu nhau, đã ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho

đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai cả, M ai người đó sống, nay ông M và bà Th không đoàn tụ được, do đó ông M yêu cầu được ly hôn với bà Th.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa ông M và bà Th có 02 con chung tên là Nguyễn Quang Tr, sinh ngày 09/9/2011 và Nguyễn Hiền N, sinh ngày 19/02/2018. Khi ly hôn ông M có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung

- Về cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa Thận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống ông M và bà Th không có tài sản chung, không nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại các biên bản lấy lời khai, hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Vũ Thị Cẩm Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Th đồng ý với ý kiến của ông M về kết hôn, mâu Thân, ly thân, nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà Th đồng ý Thận tình ly hôn với ông M.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống bà Th và ông M có 02 con chung tên là Nguyễn Quang Tr, sinh ngày 09/9/2011 và Nguyễn Hiền N, sinh ngày 19/02/2018. Khi ly hôn bà Th có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Hiền N, vì cháu N là nữ giới cần có sự chăm sóc của mẹ, đối với cháu Tr do cháu có nguyện vọng được ở với cha, nên đề nghị Tòa án giao cháu Tr cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Th và ông M tự thỏa Thận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th và ông M không có tài sản chung, không nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

+ Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục nhận đơn và thụ lý giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quy định về quá trình làm việc và xét xử tại Tòa án.

+ Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về hướng giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông M và bị đơn bà Th có đăng ký kết hôn theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay ông M có đơn yêu cầu ly hôn, quá trình Th thập chứng cứ Tòa án đã làm rõ mâu Thân, Tòa án đã hòa giải nhưng các bên vẫn mâu Thân không đoàn tụ được, tại phiên tòa bà Th cũng đồng ý Thận tình ly hôn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông M và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa các đương sự.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông M và bà Th có 02 con chung là Nguyễn Quang Tr và Nguyễn Hiền N, ông M đều có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung, bà Th có

nguyện vọng nuôi cháu N. Quá trình Th thập chứng cứ ông Mãnh và bà Th đều có Th nhập ổn định, có tài sản để đảm bảo nuôi con, cháu Tr đã trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với cha, đối với cháu N là nữ giới cần có sự chăm sóc của người mẹ theo nguyện vọng của bà Th, do đó đề nghị giao cháu Tr cho ông M theo nguyện vọng của cháu Tr và giao cháu N cho bà Th trực tiếp nuôi là phù hợp với nguyện vọng và quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con do các đương sự tự thỏa Thận không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hỏi và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

*Về quan hệ pháp luật:* Ông Nguyễn Văn M yêu cầu được ly hôn với bà Vũ Thị Cẩm Th. Đây là vụ án "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Bị đơn bà Vũ Thị Cẩm Th có nơi cư trú tại: Ấp 8, xã Tân Lập, huyện Đ, tỉnh B. Do đó căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

*Về yêu cầu của đương sự:*

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông M và bà Th tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lập, huyện Đ, tỉnh B theo đúng quy định pháp luật. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ về điều kiện và thủ tục kết hôn được quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống giữa ông M và bà Th phát sinh nhiều mâu Thẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Cuộc sống vợ chồng giữa ông M và bà Th hoàn toàn không có hạnh phúc, bất đồng quan điểm nên cuộc sống chung giữa ông, bà không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai cả. Nay ông M yêu cầu được ly hôn với bà Th. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã hòa giải đoàn tụ nhưng cả hai vợ chồng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không muốn đoàn tụ và bà Th cũng xác định tình cảm không còn và đồng ý Thận tình ly hôn, vì vậy cần chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của ông M và cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của ông M và bà Th là có cơ sở.

[2] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Quá trình chung sống giữa ông M và bà Th có 02 con chung tên là Nguyễn Quang Tr, sinh ngày 09/9/2011 và Nguyễn Hiền N, sinh ngày 19/02/2018. Ông M yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và bà Th yêu cầu được nuôi cháu N. Xét thấy hiện nay cháu Tr đã trên 7 tuổi, quá trình Th thập chứng cứ cháu Tr có nguyện vọng được ở với ông M; còn cháu N là nữ giới hiện nay ông M và bà Th đều yêu cầu được nuôi cháu N; xét thấy ông M và bà Th đều có công việc và Th nhập ổn định, đều có tài sản để đảm bảo cuộc sống cho con; nhằm đảm bảo các cháu có điều kiện sinh sống và phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần cũng như tương lai sau này

của các cháu; đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của phụ nữ và xét thấy cháu N là nữ giới cần có sự chăm sóc của người mẹ, do đó cần giao cháu Tr cho ông M nuôi và cháu N cho bà Th nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 51, 55, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông Nguyễn Văn M và bà Vũ Thị Cẩm Th.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang Tr, sinh ngày 09/9/2011 cho ông M và giao cháu Nguyễn Hiền N, sinh ngày 19/02/2018 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ông M, bà Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

5. Án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M phải nộp 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ (đã nộp) theo biên lai Th tiền số 0018694 ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh B.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- UBND xã Tân Lập;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Tòà**